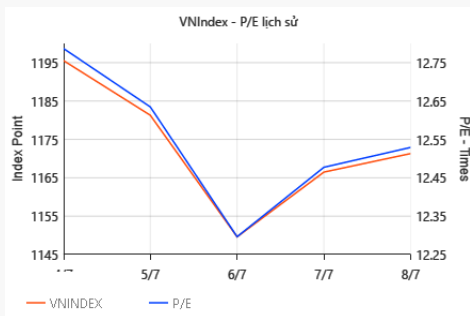


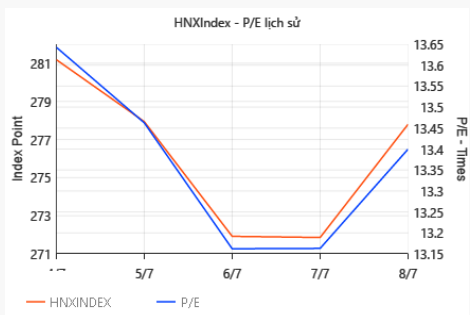


VN-INDEX



Điểm số	1,171.31
Tuần qua (WoW)	-2.30%
Từ đầu năm (YTD)	-21.82%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-7.06%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-7.39%
P/E	12.53
P/B	2

HNX -INDEX



Điểm số	277.80
Tuần qua (WoW)	-0.39%
Từ đầu năm (YTD)	-41.39%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-12.01%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-16.61%
P/E	13.4
P/B	1.56

Chuyên viên Phân tích

Đỗ Trung Nguyên

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 – ext:702

Võ Thế Vinh

vinhvt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 - ext:701

GIÁ XĂNG TẠM THỜI HẠ NHIỆT NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Giá xăng đã giảm mạnh hơn 3.000 đồng/ lít kể từ đầu tuần tới là một sự giảm tải nhằm cân bằng lại áp lực lạm phát đang tăng dần từ giá thực phẩm. Ở thời điểm hiện tại, một trong những lý do giúp hạ nhiệt giá hàng hóa thế giới chính là sự lo ngại về suy thoái kinh tế toàn cầu. Quỹ tiền tệ quốc tế IMF mới đây cũng đã nhấn mạnh rủi ro suy thoái đã tăng mạnh trong khoảng 3 tháng gần nhất với việc lạm phát lan rộng trên toàn cầu, từ đó tạo ra xu hướng nâng lãi suất của rất nhiều Ngân hàng Trung ương trên thế giới để kiềm chế lạm phát, cuối cùng sẽ tạo ra một thời kỳ thắt chặt kéo dài trên thị trường tài chính, tiền tệ.

Báo cáo việc làm của Mỹ trong tháng Sáu lại bất ngờ vượt dự đoán với 372,000 việc làm mới (vượt hơn 100,000 so với dự báo). Tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ vẫn ở mức thấp nhất lịch sử với 3.6%. Khi báo cáo được công bố, thị trường hợp đồng tương lai lãi suất tại Mỹ (US Fed funds futures) đã phản ánh khả năng gần như chắc chắn sẽ tăng 0.75% lãi suất trong tháng này và 3.5% cho tới tháng Ba tới. Việc này đi ngược lại với kỳ vọng của thị trường về việc FED có thể sẽ tạm dừng siết chính sách tiền tệ của mình.

Mặc dù không phải là một sự kiện tài chính nhưng vụ việc cựu thủ tướng Nhật bản ông Shinzo Abe bị ám sát đã nhắc cho chúng ta về một thời kỳ biến động địa – chính trị với những sự kiện “thiên nga đen” không thể dự báo trước. Và đây sẽ là lưu ý cho hoạt động đầu tư khi đây sẽ là giai đoạn cần ưu tiên quản trị rủi ro.

Quay lại với thị trường Việt Nam, mùa báo cáo quý 2 sẽ tiếp tục là cơ sở để giúp chúng ta sàng lọc cổ phiếu cho danh mục đầu tư của mình. Vùng giá thấp do được chiết khấu tương đối do cổ phiếu đã giảm theo VN-Index đang tạo một biên an toàn với các cổ phiếu đang giao dịch dưới giá trị (nhưng không phải cổ phiếu nào giảm mạnh cũng đã về dưới giá trị định giá).

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường có tuần giao dịch kém tích cực nhưng chưa đủ tiêu cực để làm thay đổi cấu trúc chung của xu hướng, và khả năng tạo đáy vẫn cao hơn so với khả năng giảm sâu. Tiếp tục duy trì chiến lược chung: nếu sẵn sàng và có thể chấp nhận rủi ro với hoạt động giao dịch ngắn hạn, đây là lúc thích hợp để giải ngân. Với hoạt động tích lũy mang tính trung dài hạn, vùng điểm này cũng là hấp dẫn.



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	57.1%		-21.5%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	71.8%		-28.3%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%		7.2%	172.8%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	48.3%		-22.0%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	1.0%		31.8%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		44.2%	272.4%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	67.9%		-20.4%
VHM*	31/05/21	2	75,820	Nắm giữ	75,550	0%	23.9%		8.7%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		6.7%	22.4%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		70.8%	91.6%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	21.3%		33.3%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		15.9%	103.4%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	30.1%		97.9%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	28.4%		-1.0%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		6.0%	37.0%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		35.8%	130.2%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	27.1%		-4.3%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	23.3%		17.7%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-51.8%
TNG	24/08/21	22,833 - 24,120	31,833	21,481	1:3	11.1%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	-13.6%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	37.2%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	-11.4%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	-4.3%
VND*	09/06/21	14,600 - 15,600	21,000	13,500	1:2.5	17.6%
DPG*	31/05/21	26,500 - 27,929	42,571	24,000	1:4	40.5%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	-28.1%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-8.9%
SSI*	20/05/21	21,000 - 22,300	27,850	19,700	1:2	-8.5%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-36.3%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	46.0%
SMC*	11/05/21	29,000 - 31,250	41,670	25,850	1:2	-41.3%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	5.9%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	36.3%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	7.1%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	8.3%
VIC*	26/03/21	96,900-101,300	128,900	95,100	1:4.5	-30.9%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	-3.0%
GEG*	08/03/21	15,610 - 16,650	24,245	14,580	1:4	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	-10.5%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	-27.1%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	43.1%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	14.5%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	54.8%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	-10.5%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	-6.8%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	-100.0%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	97.0%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	-17.6%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	93.5%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	74.1%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	57.8%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	135.3%



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường lại cho thấy những vận động suy yếu, đặc biệt tại HSX với việc chỉ số VN-Index giảm 2.3% trong khi HNX-Index chỉ giảm nhẹ 0.4%. Thanh khoản tiếp tục suy giảm trên cả 2 sàn với mức giảm khoảng 7% cả về giá trị và khối lượng trên HSX và giảm 12% về khối lượng và 16% về giá trị trên HNX. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về phía giảm khi chỉ có 249 mã tăng / 411 mã giảm.

Với việc giá dầu và giá khí cùng lao dốc trong ngắn hạn vừa qua thì không khó hiểu khi GAS là trụ lấy điểm chính của thị trường trong tuần qua khi là tác nhân của 26% mức điều chỉnh của VN-Index trong tuần. Gần ¾ số nhóm ngành cũng chịu áp lực điều chỉnh chung từ việc chỉ số chính vượt qua 1 số hỗ trợ.

Xét về cơ cấu nhà đầu tư, cá nhân và tổ chức trong nước cùng cá nhân nước ngoài là người mua ròng khối lượng bán ròng khoảng 932 tỷ của các tổ chức nước ngoài trong tuần.

Trong khi thị trường Việt Nam điều chỉnh thì các thị trường thế giới trong đó có Mỹ đã tăng điểm mạnh trong tuần vừa qua, đặc biệt là nhóm cổ phiếu công nghệ trên sàn Nasdaq. Philippines và Ấn Độ là 2 thị trường khác tăng điểm tích cực nhất trong tuần.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)



Nhận định

VNINDEX có tuần giảm 2.3%, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu và xấp xỉ mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa và cao hơn mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Thị trường có sự khởi đầu khá hưng phấn nhưng đóng cửa ngày thứ hai đầu tuần lại là nỗi thất vọng và cho thấy dấu hiệu về việc tương quan cung cầu nghiêng về phía bán. Điều này được xác nhận và thể hiện rõ ràng trong hai ngày tiếp theo, đặc biệt là trong ngày thứ tư khi diễn biến xấu ngay từ khi mở cửa và VNIndex giảm tạo mức đáy mới thấp hơn các đáy đã tạo gần đây. Tuy nhiên, thực tế là về mặt tuyệt đối thì lực bán trong ngày thứ tư yếu hơn ngày thứ ba, và sang đến ngày thứ năm thì lực bán này hầu như là biến mất, thị trường chung bật lên một cách nhẹ nhàng. Đến ngày thứ sáu thì VNIndex tiếp tục tăng nhẹ nhưng diễn biến lại trở nên giằng co hơn.

Nhìn chung thì VNIndex có tuần giảm và tạo đáy mới thấp hơn nên chắc chắn để mà nói thì tuần vừa qua không phải là một tuần giao dịch tích cực. Tuy nhiên, điều quan trọng là khi nhìn vào cấu trúc cung cầu trên thị trường thì điều chúng ta có thể nhận thấy vẫn là rủi ro giảm sâu lúc này là không lớn, và việc có tạo một mức đáy mới với số điểm thấp hơn các đáy gần đó một vài điểm số cũng không phải là một dấu hiệu có tính trọng yếu và mang tính dự đoán về xu hướng được. Xác suất cho việc tạo đáy trung dài hạn lúc này vẫn là cao hơn.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,150
Kháng cự	1,400



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

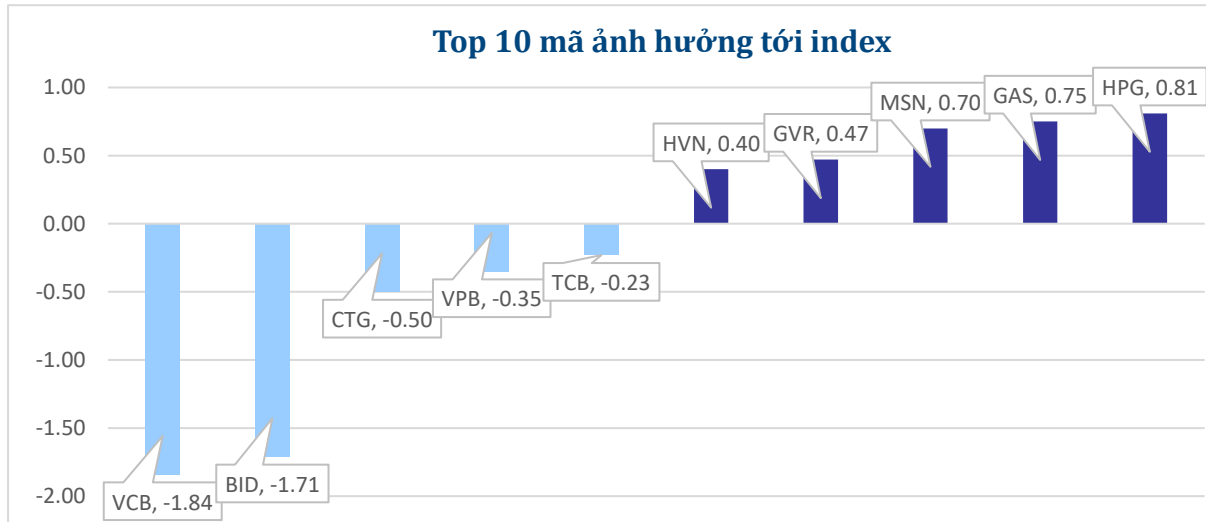
BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,171.31	0.41%	4.83	476.37	10,423.9	325	62	130
Vn30 - Index	1,231.54	0.19%	2.31	132.20	4,000.7	12	4	14
Vn - Mid	1,555.90	1.73%	26.44	187.54	4,561.7	53	7	10
VN - Small	1,388.95	2.40%	32.53	80.29	1,283.1	164	17	32
HNX - Index	277.80	2.18%	5.94	51.72	1,027.9	142	50	150
Upcom - Index	86.96	0.67%	0.58	42.45	451.6	252	77	109

THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	10,423.90	15.03%	476.37	15.68%
HNX	1,027.90	27.97%	51.72	9.10%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

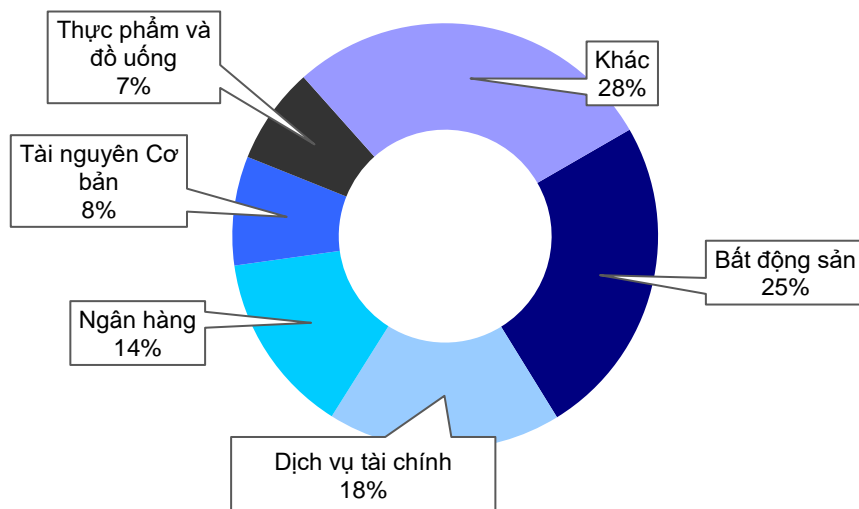


Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
SSI	30.29	DIG	673.2	DXG	279%	CEO	9.4%	BID	-3.6%
VND	23.58	SSI	609.5	IDC	211%	IDC	7.2%	GEG	-2.8%
HPG	19.50	HPG	436.6	DIG	209%	DIG	7.0%	VCB	-2.0%
DXG	18.24	VND	431.6	SSI	190%	SSI	6.8%	CTG	-1.5%
DIG	17.59	DXG	385.4	CII	189%	DXG	6.8%	VHC	-1.3%

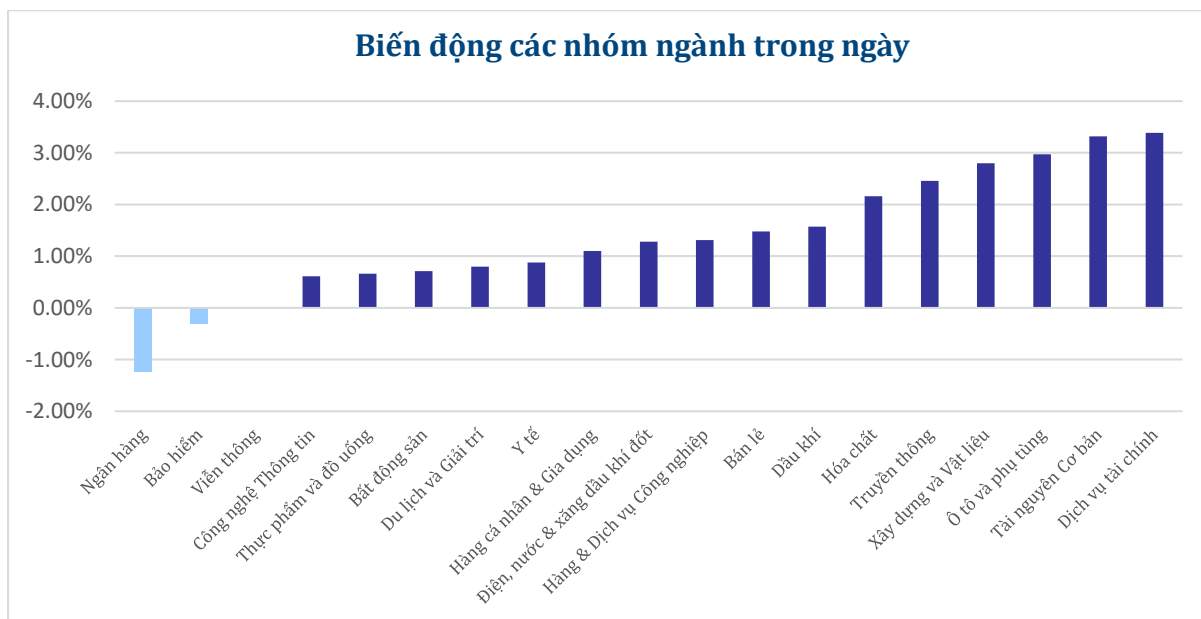


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

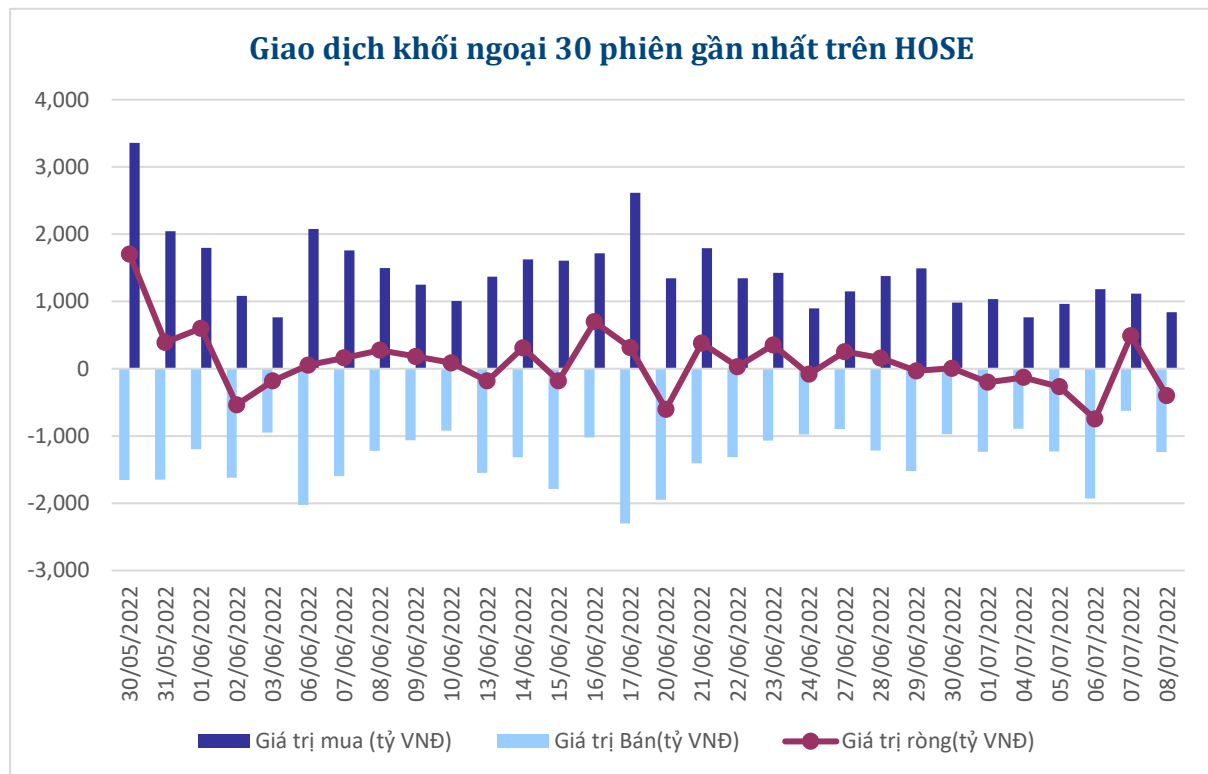




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

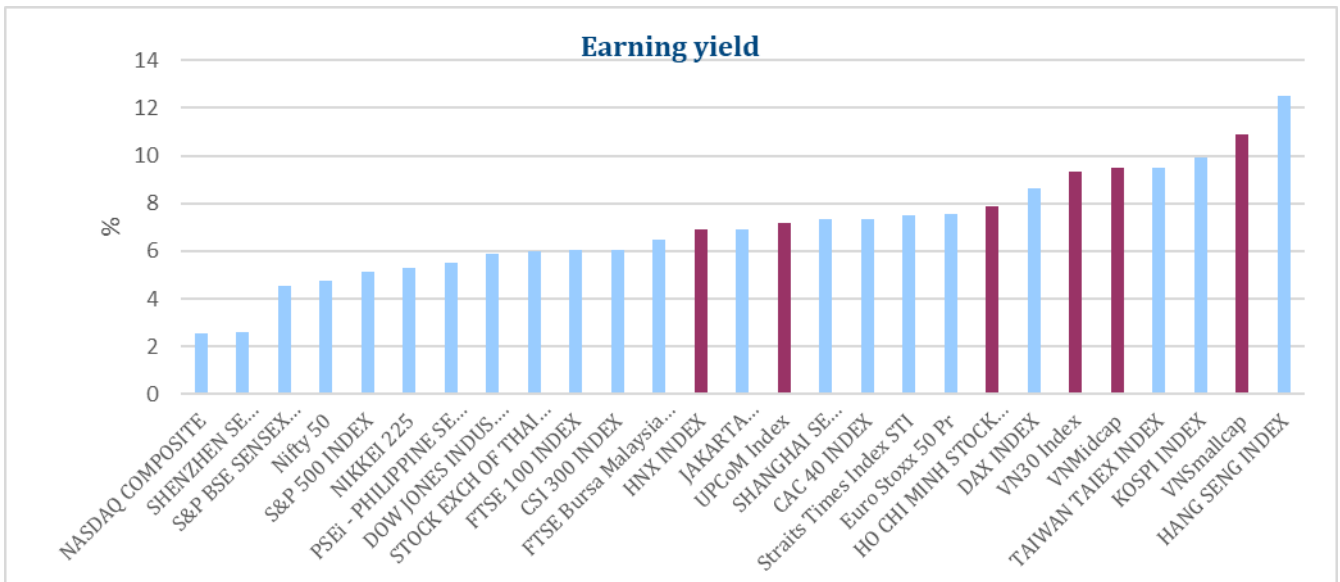
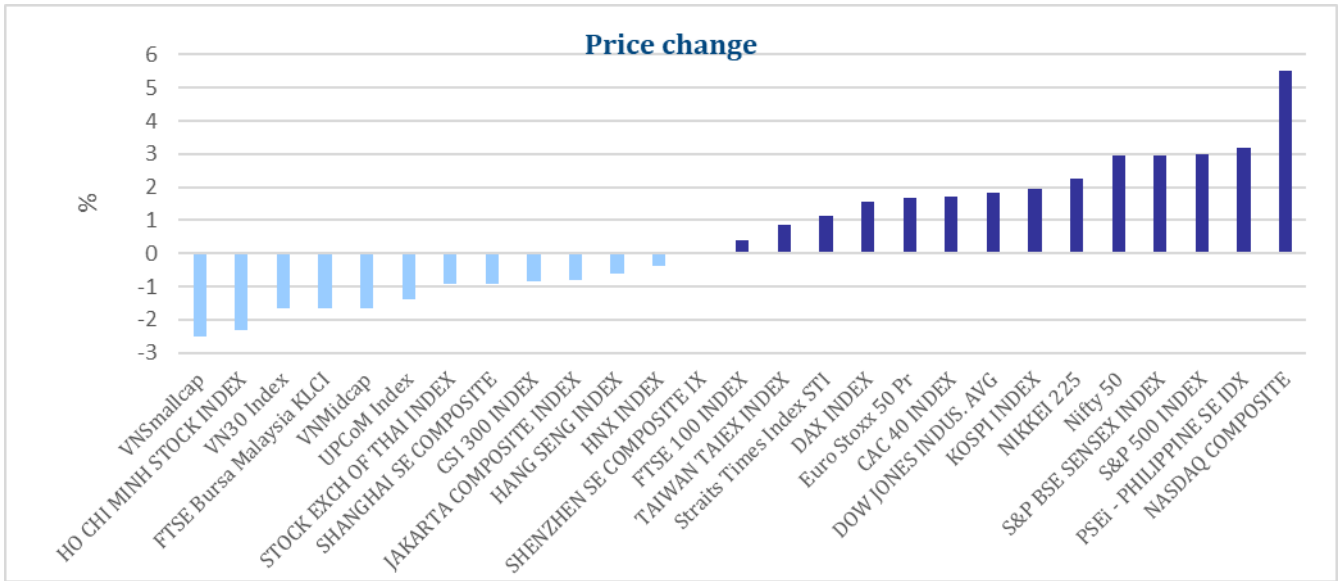
Trên HOSE bán ròng 399.85 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 13.97 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VNM	37.04	DXG	102.34
MWG	36.31	SSI	86.64
VIB	19.86	VND	76.54
MSN	14.93	VHM	47.28
DIG	13.43	VIC	40.19





BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

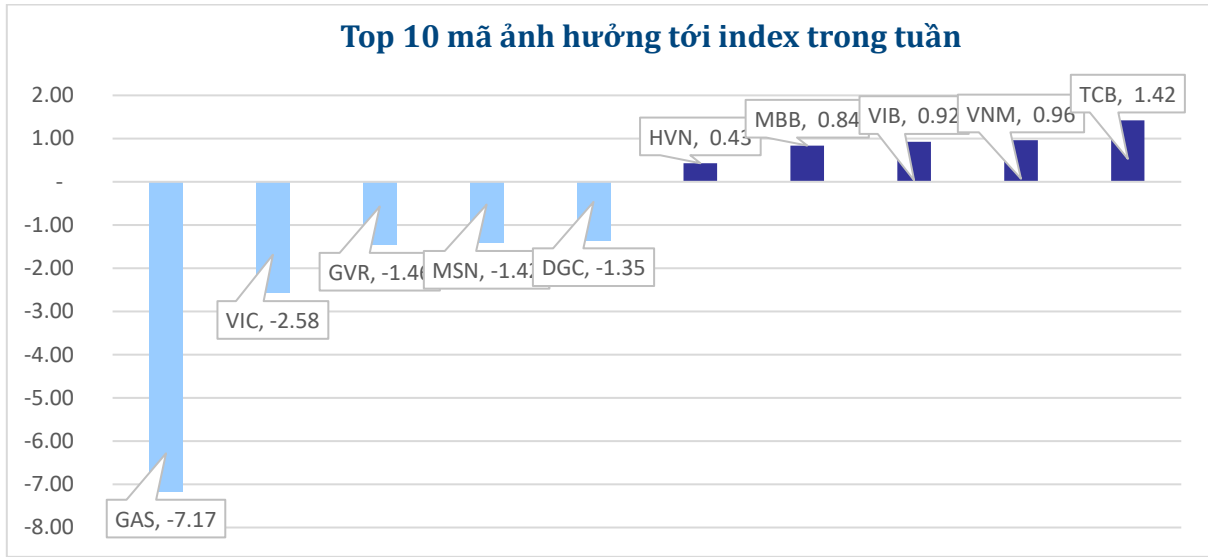


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



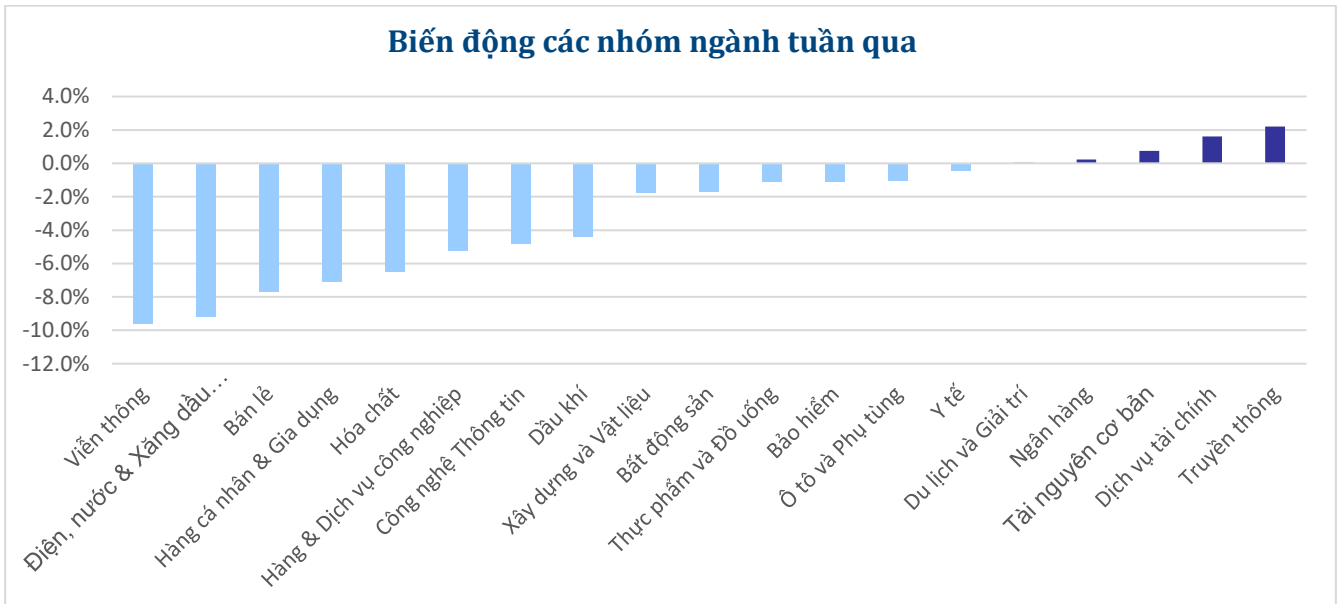


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



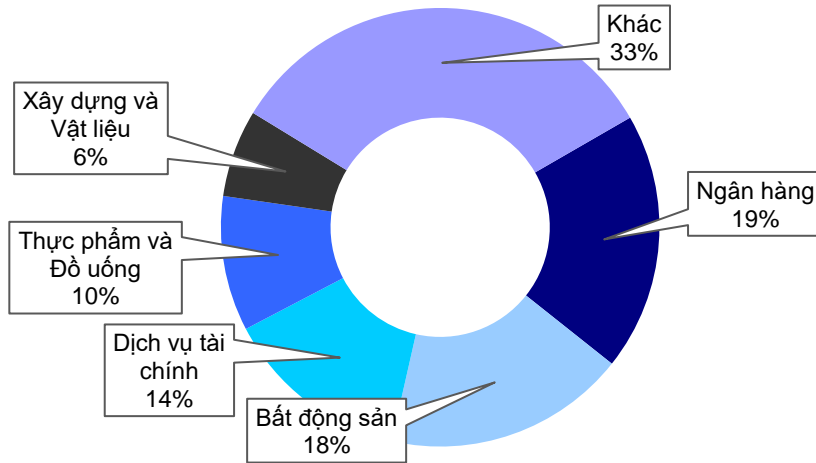
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
VND	25.2	VND	465.0	DBC	2.54x	VGI	23.3%	IDI	-15.3%
STB	20.3	STB	462.3	SKG	1.93x	DBC	17.4%	HAH	-14.9%
HAG	19.8	BSR	360.3	VIB	1.78x	CTD	12.8%	VOS	-14.0%
SSI	17.8	SSI	354.8	BID	1.78x	HCM	12.5%	PAT	-13.7%
HPG	15.2	HPG	335.5	BAF	1.77x	TTF	11.5%	DPG	-13.4%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

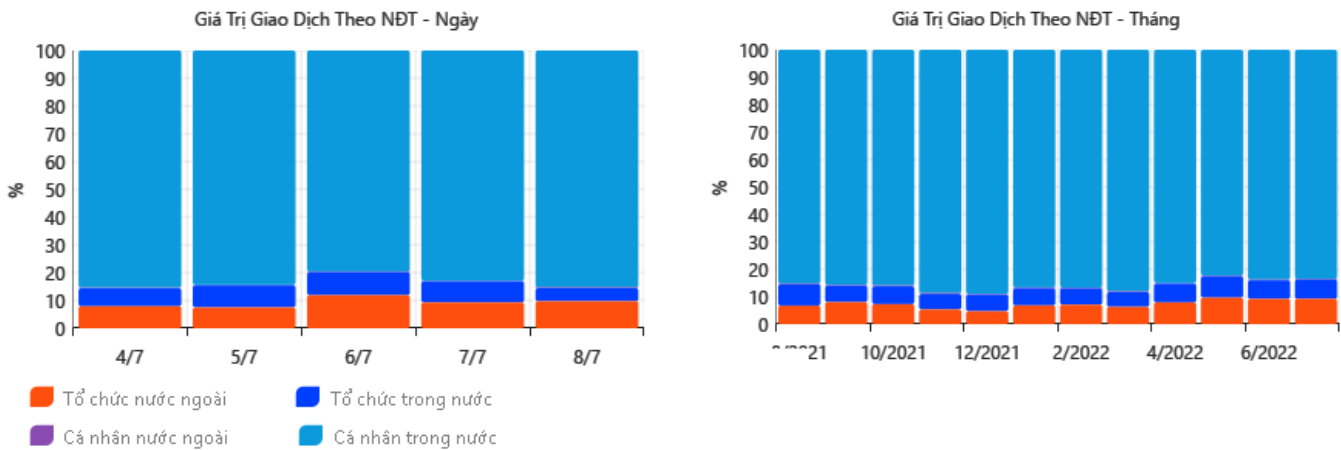


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VND	-1.34%	4,413.4	FUEVFVND	-3.33%	1,160.4
STB	2.27%	4,240.2	FPT	-5.00%	1,114.0
SSI	3.55%	3,235.7	MWG	-7.54%	1,030.5
HPG	0.22%	2,896.3	VHM	-0.65%	938.0
DIG	5.34%	2,839.5	MBB	3.51%	817.0

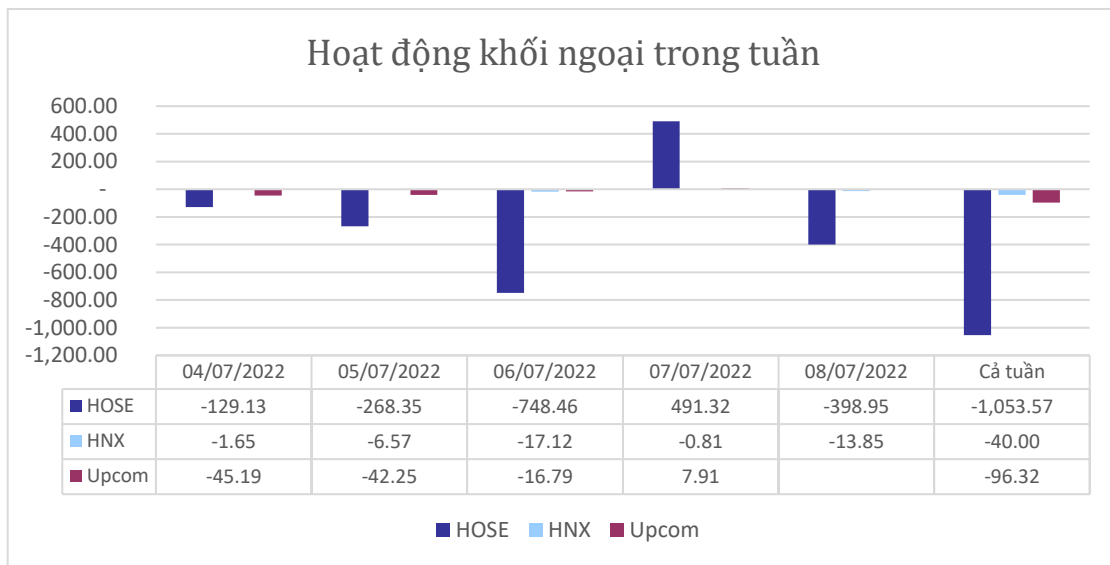
Tỷ trọng giao dịch



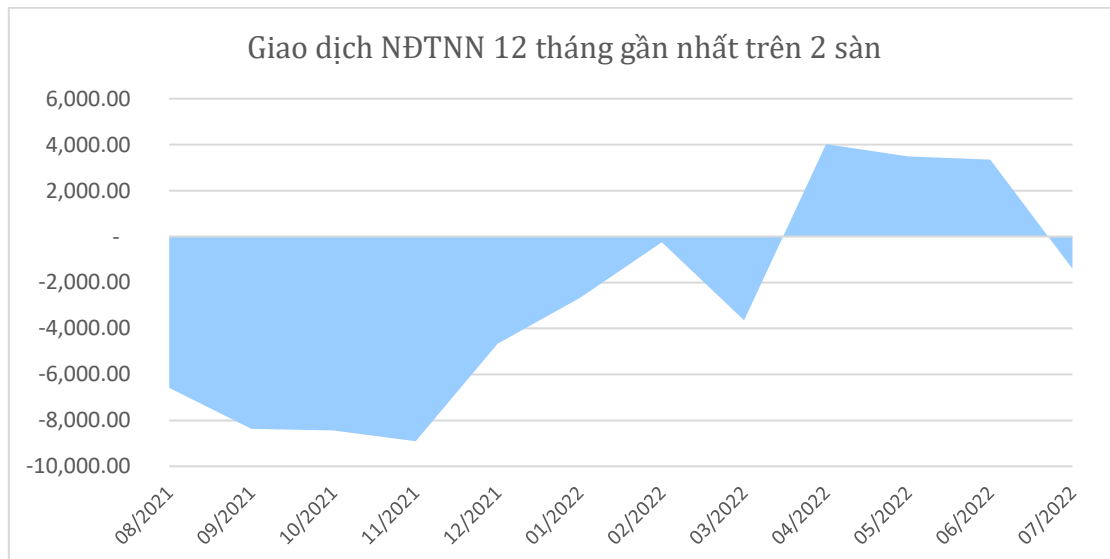


KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VNM	2.48%	237.39	FUEVFNVD	-3.33%	232.92
STB	2.27%	108.99	VHM	-0.65%	164.43
FUESSVFL	2.37%	68.49	GAS	-13.10%	142.79
VHC	-10.56%	45.08	DXG	7.87%	137.01
VIB	10.11%	43.04	SSI	3.55%	104.27



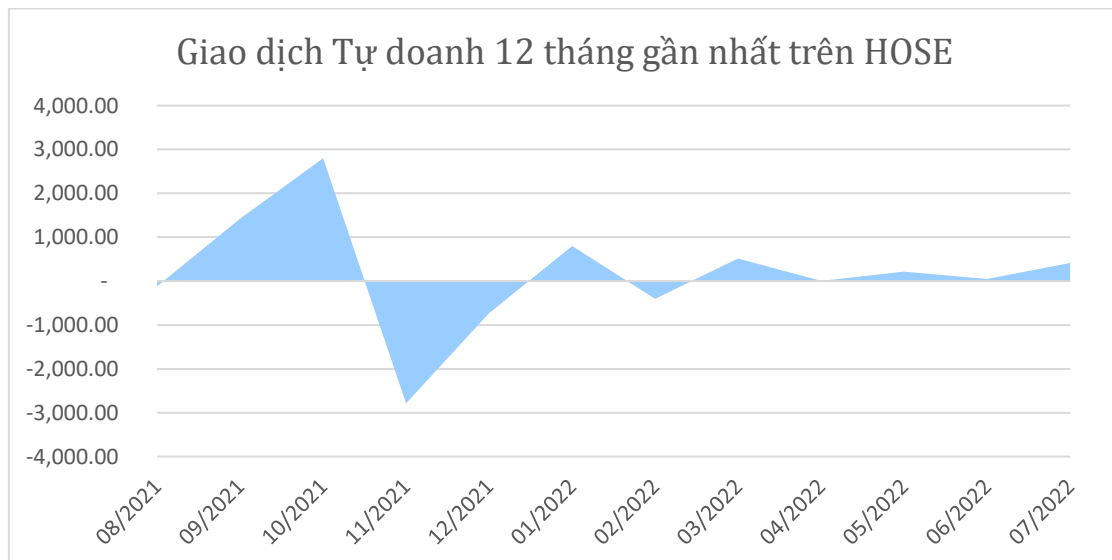
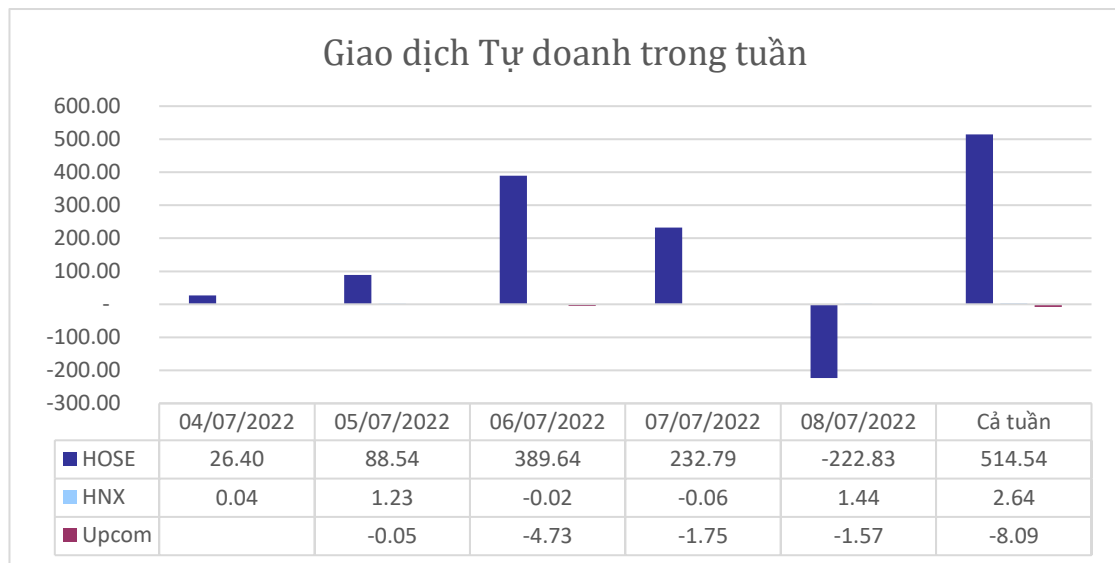
C





KHOẢNG TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

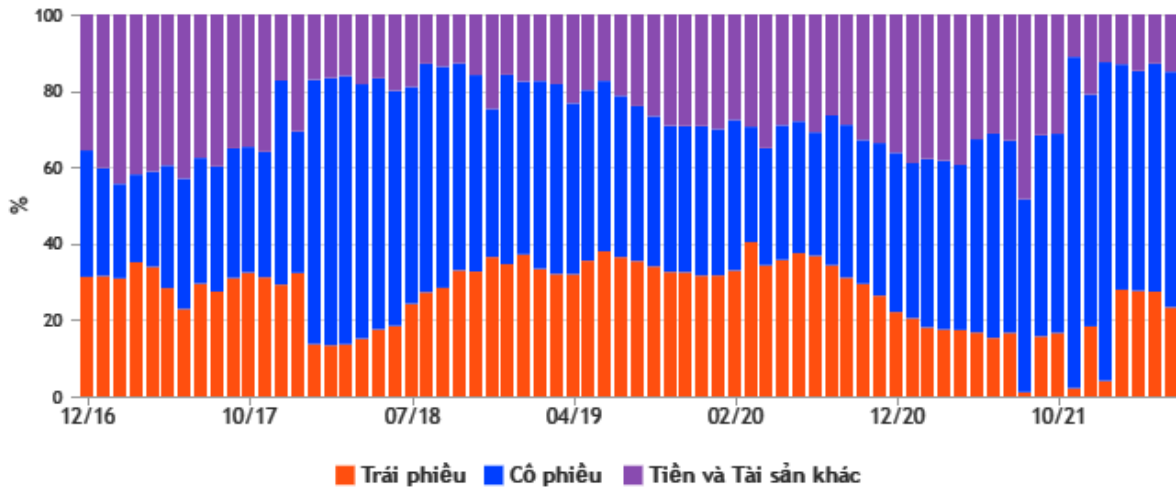
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEVFVND	-3.33%	225.05	FUESSVFL	2.37%	69.53
EIB	-3.86%	168.97	GAS	-13.10%	60.19
TCB	4.31%	88.19	VHM	-0.65%	38.93
STB	2.27%	43.65	VCB	0.00%	30.62
GEX	-0.76%	38.26	DCM	-3.63%	27.74



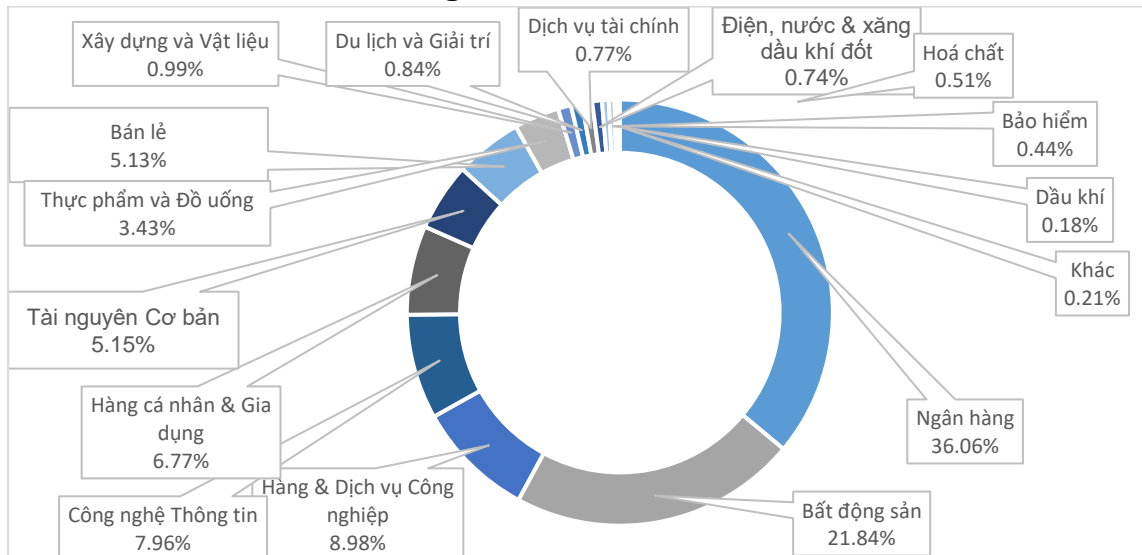


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

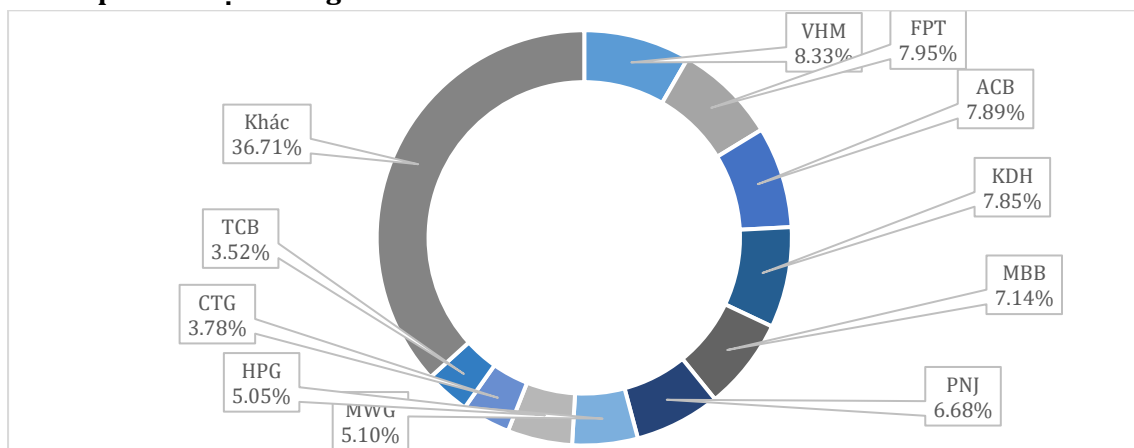
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
NVL	HSX	Giao dịch 54.145 cp niêm yết bổ sung			11/07/22
VXB	Upcom	Giao dịch 4.049.006 cổ phiếu đăng ký giao dịch	11/07/22	11/07/22	11/07/22
NTP	HNX	Thưởng cp (tỷ lệ 10:1)	11/07/22	12/07/22	11/07/22
NSC	HSX	Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 (4.000 đ/cp)	11/07/22	12/07/22	12/08/22
TAP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.491đ/cp)	11/07/22	12/07/22	26/07/22
ND2	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.000đ/cp)	11/07/22	12/07/22	27/07/22
HDC	HSX	Niêm yết bổ sung 21.616.029 cp		11/07/22	11/07/22
FPT	HSX	Niêm yết bổ sung 182.830.658 cp		11/07/22	11/07/22
FIR	HSX	Niêm yết bổ sung 17.575.151 cp		11/07/22	11/07/22
BBC	HSX	Tham dự ĐHCĐ bất thường 2022, chi trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	11/07/22	12/07/22	12/08/22
DHD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp), trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 25%)	11/07/22	12/07/22	25/07/22
TEC	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	11/07/22	11/07/22	11/07/22
MH3	Upcom	Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	11/07/22	12/07/22	11/07/22
KKC	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	11/07/22	12/07/22	11/07/22
FDG	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	12/07/22	12/07/22	12/07/22
GMA	HNX	Giao dịch đầu tiên 1.199.999 cổ phiếu niêm yết bổ sung			12/07/22
PTD	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	12/07/22	13/07/22	27/07/22
MWG	HSX	Niêm yết bổ sung 731.854.815 cp		12/07/22	12/07/22
S99	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 25:2), bán ưu đãi (tỷ lệ 2:1)	12/07/22	13/07/22	12/07/22
MC3	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	12/07/22	12/07/22	12/07/22
LCM	HSX	ĐHCĐTN lần 3			12/07/22
THB	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400 đ/cp)	12/07/22	13/07/22	28/07/22
CTF	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:5)	12/07/22	13/07/22	12/07/22
VRC	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12/07/22	13/07/22	12/07/22
CAR	Upcom	Giao dịch 3.200.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	13/07/22	13/07/22	13/07/22
SIP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	13/07/22	14/07/22	22/07/22
RAT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	13/07/22	14/07/22	29/07/22
VIT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)	13/07/22	14/07/22	28/07/22
CCA	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.400đ/cp)	13/07/22	14/07/22	29/07/22
NKG	HSX	Giao dịch 43.879.238 cp niêm yết bổ sung			13/07/22
MSH	HSX	Giao dịch 25.004.700 cp niêm yết bổ sung			13/07/22
PSW	HNX	trả cổ tức bằng tiền mặt (1.700 đ/cp)	13/07/22	14/07/22	29/07/22
GEX	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	13/07/22	14/07/22	28/07/22
SAC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	14/07/22	15/07/22	29/07/22
VIC	HSX	Giao dịch đầu tiên 15.150.000 trái phiếu niêm yết			14/07/22
VIC	HSX	Giao dịch đầu tiên 10.000.000 trái phiếu niêm yết			14/07/22
VIC	HSX	Giao dịch đầu tiên 18.600.000 trái phiếu niêm yết			14/07/22
HLC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)	14/07/22	15/07/22	22/07/22
CCL	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:12)	14/07/22	15/07/22	14/07/22
FRT	HSX	Giao dịch 39.490.743 cp niêm yết bổ sung		14/07/22	14/07/22
BMS	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 7%)	14/07/22	15/07/22	14/07/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
QLT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	14/07/22	15/07/22	14/07/22
LBC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (900đ/cp)	14/07/22	15/07/22	27/07/22
BAF	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	14/07/22	15/07/22	14/07/22
VIB	HSX	Giao dịch 554.529.952 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			14/07/22
PGV	HSX	Thanh toán cổ tức còn lại năm 2021 (1.300 đ/cp)	14/07/22	15/07/22	29/07/22
BWS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	14/07/22	15/07/22	25/07/22
DOC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.340đ/cp)	14/07/22	15/07/22	28/07/22
PTB	HSX	Giao dịch 19.438.962 cp niêm yết bổ sung			15/07/22
GHC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	15/07/22	18/07/22	28/07/22
VMG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	15/07/22	18/07/22	15/07/22
PPC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (450 đ/cp)	15/07/22	18/07/22	17/08/22
DSV	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.590đ/cp)	15/07/22	18/07/22	05/08/22
QTP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	15/07/22	18/07/22	29/07/22
HPI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/07/22	18/07/22	15/07/22
FIR	HSX	Giao dịch 17.575.151 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			15/07/22
THG	HSX	Giao dịch 3.992.587 cổ phiếu thay đổi niêm yết			15/07/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN - Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN - Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Đỗ Trung Nguyên

Chief Investment strategy

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 – ext:702

Võ Thế Vinh

Head of Research

vinhvt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 – ext:701



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696